

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 21-9-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Th

Bà Triệu Thị M

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ THỊ S - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông NGuyễn Văn S – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện B, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn G, xã H, huyện B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Bá Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn H, xã T, huyện B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Bá Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện B, thành phố Hải Phòng ngày 05 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh Đ thường chơi bời cờ bạc, về nhà đánh đập chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, chị đã phải về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2017 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Bá Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014. Khi ly hôn, chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Bá Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Đ các tài liệu, chứng cứ và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh Đ không giao nộp cho Tòa án bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ (nếu có) mà không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện B xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Bá Đ.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18

tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Trần Bá Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại Thôn H, xã T, huyện B, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Trần Bá Đ đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đ không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Bá Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Bá Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo ngày 05/5/2014. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 03 năm đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, anh Đ thường chơi bời cờ bạc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Chị L xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ không có lời khai và không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án đều thống nhất với lời khai của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị L) về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Anh Đ và chị L có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân một thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Trần Bá Đ.

[3] Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 23/11/2014. Chị L có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xét thấy chị L có việc làm ổn định, có thu nhập, có nơi ở ổn định nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh Đ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Bá Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0015998 ngày 26 tháng 4 năm 2018** của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện B;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn T**